

Bản án số: 278/2021/HSPT  
Ngày: 24/11/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

*Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bằng.

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Huồn

2. Ông Nguyễn Văn Chung

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 24/11/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 284/2021/TLPT-HS ngày 28/10/2021 đối với bị cáo Phạm Thị Mộng V phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Mộng V đối với bản án sơ thẩm số 258/2021/HSST ngày 25/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Phạm Thị Mộng V**; Sinh năm 1972; Tại: Tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Số X đường Y, tổ dân phố Z, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Phạm Trọng T (đã chết); Con bà Phạm Thị T, sinh năm 1939; Có chồng là Võ Đình H, sinh năm 1963; Có 02 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị Mộng V là nhân viên của Cửa hàng xe máy T, địa chỉ: 243 đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, do ông Lê Văn C, sinh năm 1959 và bà Lê Thị Xuân A, sinh năm 1959, cùng trú tại: 247 đường L, phường T, thành phố B làm chủ. Ông C, bà A thuê mặt bằng tầng trệt căn nhà ở địa chỉ: 243 đường L, phường T, thành phố B của bà Bùi Thị Lệ M, sinh năm 1968, làm nơi kinh doanh. Khoảng 18 giờ ngày 10/5/2021, Phạm Thị Mộng V làm việc xong, ra về. Trên đường về, V gặp M (không rõ nhân thân, lai lịch), người V vay tiền trước đó, đòi nợ. Do không có tiền để trả nợ, V nảy sinh ý định trộm cắp xe máy của Cửa hàng xe máy T để mang đi cầm cố lấy tiền trả nợ. V đi xe ôm quay lại Cửa hàng xe máy T. Khi đến Cửa hàng, V sử dụng điện thoại Viettel, màu đen (không rõ đặc điểm cụ thể) gắn sim số 0944.755.027 gọi cho bà Bùi Thị Lệ M, nhờ bà M mở cửa để vào trong lấy đồ để quên. Lúc này, bà M đang ở tầng 2, sử dụng remote của cửa kéo bấm mở cửa. V vào trong Cửa hàng, thấy không có ai nên lén lút dắt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, màu xanh bạc, số khung 033173, số máy 0090536, chưa qua sử dụng của Cửa hàng ra ngoài, sau đó, bấm nút (ở trên tường) để đóng cửa. Sau đó, V ngồi lên chiếc xe mô tô nói trên rồi dùng chân đẩy xe đến nhà của bà Trần Ngọc Thiên H, sinh năm 1984, ở địa chỉ 02 đường S, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tại đây, V nói chiếc xe trên là xe do V quay số trúng thưởng có được, V muốn mượn bà H số tiền 35.000.000 đồng và sẽ để lại chiếc xe cho bà H giữ làm tin, nhưng bà H không đồng ý. Nên V nói bà H cho V mượn số tiền 4.600.000 đồng và để lại chiếc xe làm tin thì bà H đồng ý. Sau khi mượn được tiền, V trả cho M 400.000 đồng, số tiền còn lại V tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 93/KL-HĐĐGTS của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột xác định: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, màu xanh bạc, số khung 033173, số máy 0090536, xe mới, chưa qua sử dụng, trị giá 48.100.000 đồng.

***Tại bản án hình sự sơ thẩm số 258/2021/HSST ngày 25/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:***

**Tuyên bố:** Bị cáo Phạm Thị Mộng V phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Mộng V **02 (hai) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo của bị cáo, đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/8/2021, bị cáo Phạm Thị Mộng V có đơn kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên và xin giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Thị Mộng V 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLTTHS, tuyên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt; Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

Bị cáo Phạm Thị Mộng V không tranh luận, bào chữa gì và chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của bị cáo. HĐXX xét thấy:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai mà bị cáo khai tại phiên tòa sơ thẩm, tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập, đánh giá trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 18 giờ ngày 10/5/2021 tại Cửa hàng xe máy T, địa chỉ: Số 243 đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo Phạm Thị Mộng V đã lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô Honda Air Blade, màu xanh bạc, số khung 033173, số máy 0090536 của Công ty TNHH thương mại dịch vụ T trị giá 48.100.000 đồng . Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo và mức hình phạt của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã tuyên xử đối với bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy: Mức hình phạt 02 năm tù mà tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Bởi lẽ bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp

ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây hậu quả không lớn, được bị hại có đơn bãi nại xin xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Ngoài ra bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo và áp dụng khoản 4, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo để thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước ta.

[3] Về án phí: Do đơn kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Phạm Thị Mộng V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 BLTTHS;

**1.** Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Mộng V. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 258/2021 HSST ngày 25/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 4, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị Mộng V **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**2. Về án phí:** Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Phạm Thị Mộng V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

**3.** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao (Vụ 1);
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- VP CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND TP. Buôn Ma Thuột;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- Công an TP. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP. Buôn Ma Thuột;
- UBND P. Tân Lợi, TP. Buôn Ma Thuột;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Bằng**